TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đình Luật.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Số nhà 86, tổ 9, ấp 1C, xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN.

Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm: 1979 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, ấp 1B, xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 1, phân trại 3, Trại giam XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với ông Võ Văn Đ vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN. Cuộc sống chung giữa bà H và ông Đ hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ ăn chơi, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường thường xảy ra cãi vả, xô sát. Đến năm 2012, ông Đ phạm tội "Cướp tài sản và trộm cắp tài sản" và phải đi chấp hành hình phạt 16 năm tù, do thời gian xa cách và mâu thuẫn trước đó nên

bà H không còn tìm cảm với ông Đ. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà H và ông Đ có 01 con chung tên Võ Hoài S, sinh ngày 09/3/2009, hiện đang sống với bà H, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2020 bị đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Trong thời gian chung sống ông Đ và bà H có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhưng đến năm 2012 thì ông Đ phạm tội phải đi chấp hành án phạt tù 16 năm. Từ khi ông Đ chấp hành án bà H cũng không vào thăm nom nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên theo yêu cầu ly hôn của bà H, ông Đ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đ và bà H có 01 con chung tên Võ Hoài S, sinh ngày 09/3/2009, hiện đang sống với bà H. Ông Đ đồng ý để bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam XM nên ông Võ Văn Đ làm đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Văn Đ đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đang

chấp hành án tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà H và ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn Đ xây dựng gia đình vào năm 2009 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển số 01 đăng ký ngày 15/5/2009 tại UBND xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống bà H và ông Đ xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, bà H và ông Đ không còn chung sống cùng nhau, từ năm 2012 ông Đ phải đi chấp hành án, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Bà H và ông Đ cùng xác định tình cảm vợ chồng đã hết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Võ Hoài S, sinh ngày 09/3/2009, khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện cháu S đang chung sống cùng bà H và có nguyện vọng được ở cùng bà H, ông Đ đang chấp hành án phạt tù, đồng ý để bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu S nên giao cháu Sơn cho bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà H không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên ông Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đối với ông Võ Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoài S, sinh ngày 09/3/2009 cho bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông Võ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008722 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã PT, huyện LT, tỉnh ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo